

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 12-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Vũ Thị Phương Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh T, sinh năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 12/12 đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 1A/246C đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Quang và bà Phạm Thị Bảy; vợ là Lê Thị Thu Hương và có 04 con; tiền án, tiền sự: Bản án số 83/2015/HSST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, chưa được xóa án tích; được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 21/01/2018; có mặt.

2. Bùi Xuân Đ, sinh năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 62/29 đường H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Bùi Xuân Đình và bà Đỗ Thị Lệ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2017; có mặt.

Bị hại: Phạm Ngọc H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số 41/49 đường T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 12/12/2017, Trần Minh T và Bùi Xuân Đ điều khiển xe máy Suzuki màu xanh, biển kiểm soát 16F4-4263 đến quán Internet của anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 41/49 đường T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng để chơi điện tử. Khi đến quán điện tử Baovip tại số 41/49 đường T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng, T và Đ đi lên tầng 2 của quán điện tử. T ngồi ở vị trí máy số 66, còn Đ ngồi ở vị trí số 67. Sau đó T quay sang bảo Đ ngồi sang vị trí máy tính khác, để T ngồi máy tính số 67, Đ đồng ý và chuyển chỗ ngồi từ máy tính số 67 chuyển sang ngồi máy tính 70. T lấy ghế ngồi ở vị trí máy tính số 66 quay lưng ra phía ngoài cửa nhằm mục đích che camera. Đến khoảng 00 giờ 25 phút ngày 13/12/2017, quan sát trong phòng chỉ có T và Đ nên T nảy sinh ý định trộm cắp linh kiện của máy vi tính số 66 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T dùng tay tắt máy tính số 66 và lấy chìa khoá xe máy của Đ để trên bàn máy tính rồi cho vào ổ khoá tủ chứa linh kiện máy tính số 66 rồi dùng tay vặn mạnh đến khi mở được ổ khoá. T bảo Đ bật đèn flash của máy điện thoại. Đ ngẫm hiểu là bật đèn flash của máy điện thoại để T trộm cắp cho dễ dàng nên đã bật đèn flash của máy điện thoại của mình rồi đưa cho T. T cúi xuống gầm bàn soi đèn flash của máy điện thoại lén lút trộm cắp các linh kiện của máy vi tính số 66. Sau đó, T cất giấu số linh kiện máy vi tính vừa trộm cắp được vào trong áo khoác rồi cùng Đ đến ngõ 258 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bán cho một người đàn ông không quen biết được 300.000 đồng. Số tiền này, T và Đ đã chi tiêu hết 40.000 đồng còn 260.000 đồng thì T vẫn giữ. Ngày 14/12/2017, anh Phạm Ngọc H đã trình báo Cơ quan Công an. Ngày 15/12/2017, anh H đã giao nộp cho Cơ quan Công an 01 USB có lưu trữ hình ảnh từ Camera của quán.

Đến ngày 17/12/2017, Trần Minh T đã đưa số tiền 300.000 đồng cho chị Lê Thị Thu Hương (vợ T) để đi chuộc lại số linh kiện máy vi tính trên và giao nộp cho Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: 01 bo mạch chủ, nhãn hiệu Asrock H11001; 01 CPU, nhãn hiệu Intel core i5 6500; 01 Card màn hình (VGA), nhãn hiệu zotac 1060

3GB; 01 thanh Ram DDRAM4 8GB, nhãn hiệu Adata; 01 nguồn PSU RAIDMAX 500.

Ngày 21/12/2017, Bùi Xuân Đ đến Cơ quan Công an đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐ ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản - UBND quận Ngô Quyền kết luận: 01 bo mạch chủ, nhãn hiệu Asrock H11001 có giá 1.150.000 đồng; 01 CPU, nhãn hiệu Intel core i5 6500 có giá 2.900.000 đồng; 01 Card màn hình (VGA), nhãn hiệu zotac 1060 3GB có giá 3.450.000 đồng; 01 thanh Ram DDRAM4 8GB, nhãn hiệu Adata có giá 1.300.000 đồng; 01 nguồn PSU RAIDMAX 500 có giá 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đến thời điểm bị xâm hại có giá 9.300.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 13/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại là anh Phạm Ngọc H linh kiện máy vi tính trên. Đối với chiếc xe máy Suzuki màu xanh, biển kiểm soát 16F4-4263: Tài liệu điều tra thể hiện, chủ sử dụng là ông Bùi Xuân Đình (bố đẻ của Đ). Ông Đình cho Đ mượn xe, không biết Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, chưa rõ chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy này nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau. Chiếc điện thoại mà Bùi Xuân Đ đưa cho Trần Minh T đã bị hỏng. Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Tại Bản cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 27/02/2018, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố bị các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị hại Phạm Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đã được công bố lời khai có trong hồ sơ vụ án. Bị hại Huy xác nhận tài sản bị chiếm đoạt đã được nhận lại, không đề nghị bồi thường gì thêm đối với các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh T mức án tù 12 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét thấy, bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không cần thiết bắt bị cáo cách ly xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung; xử phạt bị cáo Bùi Xuân Đ mức án tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có công việc, không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

- Về án phí: Áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã triệu tập hợp lệ nhưng Phạm Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại Phạm Ngọc H.

- Về áp dụng Bộ luật Hình sự:

[3] Về áp dụng pháp luật: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xảy ra trước 00h00 ngày 01/01/2018, về nguyên tắc phải áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đối chiếu Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về mức hình phạt là như nhau, không thay đổi. Mặt khác, tại thời điểm xét xử ngày 12/4/2018 thì Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực thi hành. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[4] Lời khai nhận của các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ tại phiên tòa đã khẳng định: Khoảng 0 giờ 25 phút ngày 13/12/2017 các bị cáo T, Đ có hành vi lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút chiếm đoạt; tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐ ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản-Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 9.300.000 đồng; gồm: 01 bo mạch chủ, nhãn hiệu Asrock H11001; 01 CPU, nhãn hiệu Intel core i5 6500; 01 Card màn hình (VGA), nhãn hiệu zotac 1060 3GB; 01 thanh Ram DDRAM4 8GB, nhãn hiệu Adata; 01 nguồn PSU RAIDMAX 500. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của Trần Minh T, Bùi Xuân Đ cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt

cần xem xét vai trò của các bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng mức hình phạt tương xứng quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[7] Xét vai trò của từng bị cáo: Trần Minh T có vai trò chính, là người khởi xướng và thực hành tích cực, trực tiếp đi bán tài sản chiếm đoạt nên phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Bùi Xuân Đ. Bị cáo Đ có vai trò thứ yếu, giúp sức cho T thực hiện việc chiếm đoạt tài sản nên chịu mức hình phạt thấp hơn T.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Bị cáo Trần Minh T có một tiền án năm 2015 về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Xuân Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Ngoài hành vi trên ra, ngày 04/10/2017, bị cáo T còn có hành vi chiếm đoạt tài sản, đã bị khởi tố và truy tố; Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã xử phạt Trần Minh T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 16/3/2018. Nay, bị cáo T tiếp tục bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do bản án ngày 16/3/2018 chưa có hiệu lực pháp luật nên lần xét xử này không tính là tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo và chưa tổng hợp hình phạt của bản án ngày 16/3/2018 theo quy định tại khoản 3 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[10] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, Đ có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải được quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T đã tác động gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả và tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại. Vì vậy, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với bị cáo Bùi Xuân Đ nhân thân chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội Đ đến cơ quan Công an đầu thú. Do bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Hội đồng xét xử xét Trần Minh T, Bùi Xuân Đ không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[13] Bị hại Phạm Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Đối với chiếc xe máy Suzuki màu xanh, biển kiểm soát 16F4-4263, qua xác minh thể hiện, chủ sử dụng là ông Bùi Xuân Đĩnh (bố đẻ của Đ). Khi ông Đĩnh cho Đ mượn xe, không biết Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau. Chiếc điện thoại mà Bùi Xuân Đ đưa cho Trần Minh T đã bị hỏng, Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Đối với người đàn ông đã mua tài sản do Trần Minh T và Bùi Xuân Đ chiếm đoạt, do không xác định được căn cước lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Trần Minh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bùi Xuân Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc: Các bị cáo Trần Minh T, Bùi Xuân Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo Trần Minh T và Bùi Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố HP;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền HP;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Cơ quan thi hành án hình sự quận Ngô Quyền;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng